

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03 – 7 – 2020
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Văn Chiếu**

2. Ông **Trần Văn Phước**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Văn Ng**, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 02 năm 2020, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ng có tổ chức đám cưới và tự nguyện sống chung từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/01/2007. Chị và anh Ng đã ly thân từ năm 2013 đến nay do sống chung không hợp nhau. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Ng.

Về con chung: Chị và anh Ng có 02 người con chung là Trần Thị Kim R1 và Trần Thị Kim R2, cùng sinh ngày 21/6/2008, hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu

được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung và không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Trần Văn Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.**

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa chấp hành khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: xét thấy chị N và anh Ng có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa chị N và anh Ng là hợp pháp. Tuy nhiên chị N và anh Ng ly thân từ năm 2013 đến nay không có biện pháp để hàn gắn hôn nhân. Căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh Ng.

+ Về con chung: Cháu R1 và cháu R2 sống chung với chị N từ khi ly thân đến nay, các cháu phát triển bình thường và có nguyện vọng sống chung với chị N nên chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu Trần Thị Kim R1 và Trần Thị Kim R2, cùng sinh ngày 21/6/2008 cho chị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản: Chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Ng, anh Ng đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị N và anh Ng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Ng tự nguyện sống chung từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Ng là hôn nhân hợp pháp, tuy nhiên chị N và anh Ng đã ly thân từ năm 2013 đến nay nhưng hai bên không có hành động gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân, trong khi đó việc hai bên đã ly thân trong một thời gian dài là thực tế có xảy

ra. Xét thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng chị N và anh Ng không sống chung với nhau trong một thời gian dài mà hai bên không có hành động gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mặc khác Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Ng vẫn không đến, như vậy anh Ng đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân này. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị N và anh Ng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh Ng.

[4] Về con chung: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do chị N cung cấp và lời khai của chị N thì chị N và anh Ng có hai người con chung là Trần Thị Kim R1 và Trần Thị Kim R2, cùng sinh ngày 21/6/2008, hiện đang sống với chị N. Anh Ng đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu nuôi con chung của chị N nhưng anh Ng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị N. Xét thấy cháu R1 và cháu R2 sống chung với chị N từ khi ly thân cho đến nay, các cháu đều phát triển bình thường, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu R1 và cháu R2 tại biên bản lấy ý kiến ngày 26/02/2020, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị N: Giao cháu Trần Thị Kim R1 và Trần Thị Kim R2, cùng sinh ngày 21/6/2008 cho chị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Anh Ng không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trần Văn Ng.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Kim R1 và Trần Thị Kim R2, cùng sinh ngày 21/6/2008 cho chị Nguyễn Thị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Trần Văn Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Trần Văn Ng cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị N đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004637 ngày 07/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí.

Anh Trần Văn Ng không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Ly